TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN KẾ SÁCH** **TỈNH SÓC TRĂNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **66**/2024/HNGĐ-ST
Ngày: 31/5/2024
V/v y/c không công nhận vợ chồng

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN KẾ SÁCH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Linh Đa.

Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Tăng Thị Bạch Vân

2. Ông Trần Hoàng Bảy.

- Thư ký phiên tòa: Bà Lý Hồng Trang – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Kế Sách.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Kế Sách tham gia phiên tòa: Không tham gia.

Ngày 31/5/2024, tại phòng xử án thuộc trụ sở Tòa án nhân dân huyện Kế Sách xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân gia đình thụ lý số: 83/2024/TLST–HNGĐ ngày 09/4/2024 về việc "Yêu cầu không công nhận vợ chồng", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 145/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 02/5/2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số 126/2024/QĐST-HNGĐ ngày 20/5/2024, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà **Võ Thị N**, sinh năm 1975 (vắng mặt).

Địa chỉ: ấp P, xã P, huyện K, tỉnh Sóc Trăng.

- Bị đơn: Ông **Nguyễn Văn P**, sinh năm 1975 (vắng mặt).

Địa chỉ: ấp P, xã P, huyện K, tỉnh Sóc Trăng.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Căn cứ vào đơn khởi kiện của nguyên đơn, qua xem xét lời khai và yêu cầu của các đương sự, qua xét hỏi trước tòa, nội dung vụ án được xác định như sau:

Theo đơn khởi kiện ngày 20/02/2024, trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn bà Võ Thị N trình bày: Bà và ông P là vợ chồng có tổ chức đám cưới năm 1991 nhưng không đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật. Trong quá trình chung sống ông, bà có 04 người con chung tên: Nguyễn Thị D, sinh năm 1992, Nguyễn Thị H, sinh năm 1994, Nguyễn Hoàng Duy K, sinh năm 1998 và Nguyễn Hoàng Duy K1, sinh năm 1998 hiện đã trưởng thành và có cuộc sống riêng. Bà N và ông P có thời gian dài chung sống hạnh phúc. Tuy nhiên thời gian gần đây, bà N và ông P thường xuyên cãi vã, cuộc sống hôn nhân không còn hạnh phúc. Nhận thấy hôn nhân không

thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, nay bà N yêu cầu Tòa án giải quyết các vấn đề sau:

Về quan hệ hôn nhân: Yêu cầu ly hôn với ông Nguyễn Văn P.

Về con chung: Các con chung là Nguyễn Thị D, sinh năm 1992, Nguyễn Thị H, sinh năm 1994, Nguyễn Hoàng Duy K, sinh năm 1998 và Nguyễn Hoàng Duy K1, sinh năm 1998 hiện đã trưởng thành, phát triển bình thường về thể chất lẫn tinh thần nên không yêu cầu giải quyết.

Về tài sản chung và nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đối với bị đơn ông Nguyễn Văn P: Từ khi Tòa án thụ lý giải quyết cho đến nay, ông P không tham gia tố tụng nên Tòa án không thể thu thập được lời khai và yêu cầu của ông P.

Nguyên đơn không rút đơn khởi kiện, bị đơn không tham gia tố tụng nên các đương sự không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Xét thấy tại phiên tòa, nguyên đơn bà Võ Thị N có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt; bị đơn ông Nguyễn Văn P đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không lý do. Do đó, Hội đồng xét xử căn cứ vào các Điều 227, 228, 238 Bộ luật Tố tụng dân sự, xét xử vắng mặt nguyên đơn và bị đơn.

[2] Về nội dung vụ án:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Bà N và ông P chung sống với nhau như vợ chồng nhưng không đăng ký kết hôn nên không được pháp luật công nhận hôn nhân của ông bà là hợp pháp. Trong quá trình chung sống, bà N và ông P phát sinh nhiều mâu thuẫn. Hội đồng xét xử thấy rằng, quan hệ hôn nhân phải được xây dựng trên cơ sở tự nguyện của hai bên và đăng ký kết hôn theo quy định pháp luật. Bà N có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt cho thấy bà đã không muốn hàn gắn, ông P thì không tham gia tố tụng. Vì vậy, Hội đồng xét xử xét thấy cần áp dụng Điều 14, Điều 53 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, chấp nhận yêu cầu không công nhận vợ chồng của bà N.

[2.2] Về con chung: Các con chung là Nguyễn Thị D, sinh năm 1992; Nguyễn Thị H, sinh năm 1994; Nguyễn Hoàng Duy K, sinh năm 1998 và Nguyễn Hoàng Duy K1, sinh năm 1998, hiện đã trưởng thành, phát triển bình thường về thể chất lẫn tinh thần nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[2.3] Về tài sản chung và nợ chung: Các đương sự không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[3] Về án phí: Nguyên đơn phải chịu án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm không có giá ngạch là 300.000 đồng theo quy định tại điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

[4] Về quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo bản án theo quy định tại các Điều 271, 273 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 147; Điều 227, 228, 238; Điều 271, 273; Điều 278, Điều 280 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ các Điều 14, 53 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ vào Điều 26 Luật Thi hành án dân sự;

Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án,

TUYÊN XỬ:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơnbà Võ Thị N.

1.1. Tuyên bố bà Võ Thị N và ông Nguyễn Văn P không phải là vợ chồng.

1.2. Về con chung: Các con chung là Nguyễn Thị D, sinh năm 1992; Nguyễn Thị H, sinh năm 1994; Nguyễn Hoàng Duy K, sinh năm 1998 và Nguyễn Hoàng Duy K1, sinh năm 1998, hiện đã trưởng thành, phát triển bình thường về thể chất lẫn tinh thần nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

2. Về tài sản chung và nợ chung: Các đương sự không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

3. Án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm không có giá ngạch là 300.000 đồng, bà Võ Thị N phải chịu là 300.000 đồng, được khấu trừ vào Biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0003688 ngày 08/4/2024 do Chi cục thi hành án dân sự huyện Kế Sách, tỉnh Sóc Trăng đã thu.

4. Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 (Mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án, đối với người vắng mặt được tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết công khai theo quy định của pháp luật, để Tòa án nhân dân tỉnh Sóc Trăng xử phúc thẩm.

5. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a ,7b và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- TAND tỉnh Sóc Trăng;
- VKSND huyện Kế Sách;
- Chi cục THADS huyện Kế Sách;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thị Linh Đa